

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế.; Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Đức Quang Tú

2. Ngày tháng năm sinh: 12/07/1988; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 21/12 Hoàng Minh Giám, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Lê Đức Quang Tú, Trường Đại học Kinh Tế - Luật, 669 Đỗ Mười, Khu phố 6, Phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 097 189 3644; E-mail: tuldq@uel.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
04/2018 – nay	Giảng viên Khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM
06/2019- nay	Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Ngân hàng ĐHQG-HCM

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Ngân hàng ĐHQG-HCM; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Ngân hàng ĐHQG-HCM

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

Địa chỉ cơ quan: 669 Đỗ Mười, Khu phố 6, Phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (028) 3 7244 555

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 27 tháng 03 năm 2012; số văn bằng:; ngành: Thương mại, chuyên ngành: Hoạch định tài chính; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận 2834/2025/ĐT/ĐH-QLCL của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Canberra, Australia

- Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 03 năm 2013; số văn bằng:; ngành: Triết học; chuyên ngành:; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận 2835/2025/ĐT/ĐH-QLCL của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Canberra, Australia*

Sau khi tốt nghiệp đại học hệ chính quy xuất sắc (Bachelor of Philosophy with honours) tại Australia, tôi đã được xét thẳng vào chương trình nghiên cứu sinh tiến sĩ mà không cần phải hoàn thành chương trình thạc sĩ

- Được cấp bằng ThS ngày...tháng...năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 02 năm 2018.; số văn bằng:; ngành: Tài chính; chuyên ngành: Tài chính; đã vào sổ đăng ký số 010486/CNVB-TS của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Canberra, Australia

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các hướng nghiên cứu của ứng viên được bắt nguồn từ quá trình học tập, tham gia công tác và nghiên cứu tại trường Đại học Canberra và trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM. Trước hết, hướng nghiên cứu của ứng viên đến từ bậc Tiến sĩ ngành Tài chính với sự dẫn dắt và định hướng của giảng viên hướng dẫn, cũng như đòi hỏi của nhu cầu công tác, phát triển chương trình đào tạo tại Bộ môn, Khoa và Nhà trường cũng như chủ trương phát triển nghiên cứu liên ngành trong kinh tế trong công bố quốc tế của Giám đốc ĐHQG-HCM. Đặc biệt, nó được truyền cảm hứng từ thực tiễn phát triển sống động của nền kinh tế toàn cầu nói chung và hệ thống tài chính nói riêng khi mà sự phát triển của công nghệ ngày càng mạnh mẽ (như máy học, trí tuệ nhân tạo) với sự ra đời của các mô hình tài chính mới (như công nghệ tài chính) và định hướng phát triển bền vững khi mà rủi ro biến đổi khí hậu ngày càng tăng. Từ đó, ứng viên xác định và theo đuổi nhất quán bốn (04) hướng nghiên cứu chính, gồm: (1) Hướng nghiên cứu 1: Hiệu quả hoạt động và sự ổn định của hệ thống ngân hàng; (2) Hướng nghiên cứu 2: Các mô hình đo lường hiệu quả hoạt động; Hướng nghiên cứu 3: Công nghệ và tác động của công nghệ đối với hệ thống tài chính và nền kinh tế; Hướng nghiên cứu 4: Rủi ro biến đổi khí hậu, trách nhiệm công bố tài chính liên quan đến khí hậu và phát triển bền vững. Trên cơ sở bốn hướng nghiên cứu này, ứng viên định hướng và nỗ lực đóng góp cho hoạt động đào tạo, chuyên môn, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, phát triển chương trình đào tạo, biên soạn sách và chương sách quốc tế, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cũng như tham gia các hoạt động chuyên môn phù hợp khác.

Hướng nghiên cứu 1: Hiệu quả hoạt động và sự ổn định của hệ thống ngân hàng

Hướng nghiên cứu này của ứng viên tập trung xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và sự ổn định của hệ thống ngân hàng. Điều này không chỉ giúp các ngân hàng xây dựng chiến lược hoạt động phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và giảm rủi ro, mà còn giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra các quyết định nhằm duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Hướng dẫn luận văn thạc sĩ: Số thứ tự [1], [2], [3], [4], và [5] trong Mục 4
- Chương sách quốc tế phục vụ đào tạo: Số thứ tự [3] trong Mục 5
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [1] trong Mục 6
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [1], [2], [3], [4], [5], [6], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [16], [17], [18], [19], [20], [21], [30], [31], [32], [33], [34], [38], [39], [40], [41] [42], [43], [45] trong Mục 7.1.a

Hướng nghiên cứu 2: Các mô hình đo lường hiệu quả hoạt động

Hướng nghiên cứu này ứng viên triển khai áp dụng các mô hình tham số và phi tham số khác nhau để đo lường hiệu quả hoạt động (HQHD) của doanh nghiệp và thị trường trong các lĩnh vực khác nhau. Cụ thể hơn, ứng viên tập trung phát triển và cải thiện mô hình bao dữ liệu (DEA) trong đo lường HQHD bằng cách xem xét các phương pháp xác định trọng số phù hợp hơn đối với đầu vào và đầu ra. Ngoài ra, ứng viên cũng áp dụng mô hình DEA để phân tích hiệu suất đa chiều của các danh mục đầu tư khi cân nhắc tích

hợp các thành phần của môi trường, xã hội và quản trị và chỉ số tối ưu rủi ro-lợi nhuận vào mô hình. Bên cạnh đó, ứng viên còn xem xét mô hình DEA hai bước để khám phá các yếu tố đặc trưng đối với HQHĐ. Song song với đó, ứng viên cũng áp dụng mô hình SFA để tính giá trị của thị trường cocaine.

Kết quả nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 2 bao gồm:

- Bài báo khoa học: Số thứ tự [7], [14], [22], [23], [24], [35], trong Mục 7.1.a

Hướng nghiên cứu 3: Công nghệ và tác động của công nghệ đối với hệ thống tài chính và nền kinh tế

Hướng nghiên cứu này, ứng viên đầu tiên áp dụng các mô hình học máy trong dự báo các biến vĩ mô. Ngoài ra, ứng viên tập trung nghiên cứu các yếu tố thúc đẩy sự phát triển của tín dụng công nghệ tài chính, chuyển đổi số và ngân hàng ‘thuần số’, và sự phát triển của tiền số phát hành bởi ngân hàng trung ương và tác động của chúng đến nền kinh tế và hệ thống tài chính.

Kết quả nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 3 bao gồm:

- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [1] và [2] trong Mục 5
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [2] trong Mục 6
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [15], [25], [26], [27], [44] trong Mục 7.1.a
- Hội thảo quốc tế: Số thứ tự [46] trong Mục 7.1.a

Hướng nghiên cứu 4: Rủi ro biến đổi khí hậu, trách nhiệm công bố tài chính liên quan đến khí hậu và phát triển bền vững

Hướng nghiên cứu này, ứng viên xem xét tác động của rủi ro biến đổi khí hậu (RRBĐKH) đối với nền kinh tế và thị trường tài chính. Bên cạnh đó, ứng viên thực hiện khung phân tích liên quan đến công bố tài chính liên quan đến khí hậu nhằm tăng cường tính minh bạch, giúp các nhà đầu tư và bên liên quan hiểu rõ mức độ tiếp xúc với RRBĐKH, từ đó đưa ra quyết định tài chính hợp lý.

Kết quả nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 4 bao gồm:

- Bài báo khoa học: Số thứ tự [28], [29], [36], [37] trong Mục 7.1.a

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS cấp Trường;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, trong đó: Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH loại B cấp ĐHQG-HCM (tương đương đề tài cấp Bộ);
- Đã công bố (số lượng) 46 bài báo khoa học, trong đó 39 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 2 cuốn, trong đó 2 cuốn sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

STT	Năm	Hình thức, nội dung khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định
1	2023	Bằng khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022-2023.	3559/QĐ-BGDĐT, 03/11/2023 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	2023	Giấy khen vì đã có thành tích công bố khoa học xuất sắc năm học 2022-2023	1815/QĐ-ĐHQG, 21/12/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
3	2023	Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học năm học 2022-2023	987/QĐ-ĐHKTL, 20/07/2023 của Hiệu trưởng, Trường đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM
4	2025	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	101/QĐ-ĐHKTL, 07/02/2025 của Trường đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM
5	2023	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022-2023	1000/QĐ-ĐHKTL, ngày 25/07/2023, của Trường đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM
6	2022	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021-2022	867/QĐ-ĐHKTL, ngày 18/07/2022, của Trường đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về tư tưởng chính trị: Tôi tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng. Tôi luôn nỗ lực học tập, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cũng như năng lực công tác. Bên cạnh đó, tôi nghiêm túc thực hiện các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng; tuân thủ đầy đủ chính sách, pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục, chính quyền địa phương, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và Nhà trường.

- Về phẩm chất đạo đức, lối sống: Tôi luôn giữ gìn và rèn luyện đạo đức, lối sống, không ngừng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của chủ tịch Hồ Chí Minh. Với vai trò là một nhà giáo, tôi phát huy tinh thần tiên phong, gương mẫu; có thái độ cầu thị, biết lắng nghe, tiếp thu và sửa chữa khuyết điểm. Tôi kiên quyết đấu tranh với

các biểu hiện tiêu cực như quan liêu, tham nhũng, lãng phí; đồng thời có ý thức xây dựng tập thể, đơn vị và giữ gìn sự đoàn kết nội bộ.

- Về chuyên môn, nghiên cứu khoa học: Tôi luôn chủ động nâng cao trình độ chuyên môn nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tôi tích cực kết nối và tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế có uy tín, qua đó không ngừng nâng cao năng lực nghiên cứu và truyền cảm hứng nghiên cứu cho đồng nghiệp. Tôi đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với nhiều công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế danh tiếng, đồng thời nhận được bằng khen từ các cấp.

- Về giảng dạy: Tôi luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy được Nhà trường phân công, tham gia giảng dạy ở cả bậc đại học và sau đại học. Tôi thường xuyên cập nhật kiến thức, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng. Các lớp học do tôi phụ trách đều nhận được phản hồi tích cực từ phía sinh viên và học viên.

- Về công tác khác: Ngoài giảng dạy và nghiên cứu, tôi tích cực tham gia các hoạt động khác của Nhà trường như rà soát, đánh giá chương trình đào tạo, tham gia công tác kiểm định chất lượng của Khoa và Trường. Ngoài ra, tôi cũng đóng góp tích cực vào các hoạt động của Công đoàn trường. Bên cạnh đó, tôi là một trong ba diễn giả chính tại hội thảo quốc tế Innovation & Sustainability: Impact on Economics & Business - UEL SEB 2024 và đồng thời là nghiên cứu viên cao cấp tại tổ chức International Centre for Economic Analysis và thành viên ban biên tập của tạp chí Sustainable Analytics. Thêm vào đó, tôi chủ động tham gia tích cực các hoạt động phục vụ cộng đồng như bày tỏ ý kiến chuyên gia trên truyền thông đại chúng như báo chí (tinnhanhchungkhoan hay báo Tia Sáng) hay truyền hình TV (HTV) và trình bày tham luận tại các diễn đàn (như Diễn đàn Ngân hàng Bán Lẻ Việt Nam) với mong muốn mang những tri thức khoa học tài chính – ngân hàng tới gần hơn cộng đồng và phụng sự xã hội.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 6 năm 1 tháng vì năm học 2018-2019 là năm tập sự.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			1		85	30	115/130/81
2	2020-2021					80	30	110/110/81
3	2021-2022			2		150	30	180/210/81

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
03 năm học cuối								
4	2022-2023	1		1	7	270	75	345/492/81
5	2023-2024	1	1	1	6	183	195	378/561/81
6	2024-2025	1	1		7	112.5	195	307.5/487.5/54

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☒ ; Tại nước: Australia.; Từ năm 2009 đến năm 2012

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Australia năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Hướng nghiên cứu	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
			NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Hướng nghiên cứu 1	Vũ Bảo Phiên		X	X		15/01/2020 đến 15/07/2020	Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG- HCM	Quyết định số 43/QĐ- ĐHKTL ngày 16/01/2023
2	Hướng nghiên cứu 1	Nguyễn Ngọc Cẩm		X	X		27/07/2021 đến 27/07/2022	Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG- HCM	Quyết định số 43/QĐ- ĐHKTL ngày 16/01/2023
3	Hướng nghiên cứu 1	Trần Thu Hương		X	X		27/07/2021 đến 27/07/2022	Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG- HCM	Quyết định số 3232/QĐ- ĐHKTL ngày 24/12/2024
4	Hướng nghiên cứu 1	Nguyễn Ngọc Sáng		X	X		29/11/2022 đến 29/05/2023	Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG- HCM	Quyết định số 1198/QĐ- ĐHKTL ngày 17/05/2025
5	Hướng nghiên cứu 1	Phan Thị Mỹ Duyên		X	X		24/08/2023 đến 24/02/2024	Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG- HCM	Quyết định số 1198/QĐ- ĐHKTL ngày 17/05/2025

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Hướng nghiên cứu (HNC)	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phân biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS							

TT	Hướng nghiên cứu (HNC)	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II Sau khi được công nhận TS								
BIÊN SOẠN SÁCH								
1	Hướng nghiên cứu 3	Ngân hàng số từ đổi mới đến cách mạng	CK	NXB Đại học Quốc Gia, Tp. Hồ Chí Minh, 2019, ISBN: 978-604-73-7112-9	8	Hoàng Công Gia Khánh	Biên soạn Chương 4 (165-270)	Giấy xác nhận về việc sử dụng tài liệu học tập của Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM ký ngày 17/06/2025
2	Hướng nghiên cứu 3	Khung pháp lý phát triển công nghệ tài chính: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam	CK	NXB Đại học Quốc Gia, Tp. Hồ Chí Minh, 2020, ISBN: 978-604-73-7631-5	10	Hoàng Công Gia Khánh và Trần Hùng Sơn	Biên soạn Chương 3 (119-176)	Giấy xác nhận về việc sử dụng tài liệu học tập của Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM ký ngày 17/06/2025
CHƯƠNG SÁCH QUỐC TẾ								
3	Hướng nghiên cứu 1	Impact of information and communication technology on banking efficiency: the Vietnamese experience	Chương sách	Edward Elgar Publishing, 2022, ISBN: 978-180-08-8089-4	2	Thanh Ngo, Tu Le	Phương pháp nghiên cứu, chạy mô hình và thảo luận kết quả nghiên cứu	Giấy xác nhận về việc sử dụng tài liệu học tập của Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM ký ngày 17/06/2025
		https://doi.org/10.4337/9781800880900.00020						

Trong đó: Số lượng chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản mà ứng viên là tác giả chính và đồng tác giả: **01** chương sách: [3].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Hướng nghiên cứu	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I		Trước khi được công nhận PGS/TS				
1						
2						
3						
II		Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Hướng nghiên cứu 1	Đa dạng hóa địa lý trong cho vay và rủi ro ngân hàng của các quốc gia trên thế giới	CN	CS/2019-06, Cấp cơ sở	12 tháng	22/10/2020, Xếp loại: Tốt
2	Hướng nghiên cứu 3	Ứng dụng máy học dự báo lạm phát và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam	CN	ĐH2022-34-01, loại B cấp ĐHQG-HCM (tương đương đề tài cấp Bộ)	24 tháng	29/04/2025 Xếp loại: Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

[illegible]

TT	Hướng nghiên cứu	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) (tính đến 30/05/2025)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) (tính đến 30/05/2025 trên Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
5	Hướng nghiên cứu 1	Capital market development and bank efficiency: A cross-country analysis	2		International Journal of Managerial Finance/1743-9132	ESCI, Scopus (IF=1.8, Q2)	38	15,4, 478-491	2019
https://doi.org/10.1108/IJMF-02-2018-0048									
6	Hướng nghiên cứu 1	The impact of multimarket contacts on bank stability in Vietnam	3	X	Pacific Accounting Review/0114-0582	ESCI, Scopus (IF=2.1, Q2)	13	31,3, 336-357	2019
https://doi.org/10.1108/PAR-04-2018-0033									
7	Hướng nghiên cứu 2	Sources of the performance of manufacturing firms: Evidence from Vietnam	5		Post-Communist Economies/ 1463-1377	SSCI, Scopus (IF=2.2, Q2)	13	31,6, 790-804	2019
https://doi.org/10.1080/14631377.2019.1607129									
8	Hướng nghiên cứu 1	The interrelationship among bank profitability, bank stability, and loan growth: Evidence from Vietnam	1	X	Cogent Business & Management/2331-1975	ESCI, Scopus (IF=3, Q2)	48	7,1, 1840488	2020
https://doi.org/10.1080/23311975.2020.1840488									
9	Hướng nghiên cứu 1	Intellectual capital and bank profitability: New evidence from Vietnam	2	X	Cogent Business & Management/2331-1975	ESCI, Scopus (IF=3, Q2)	47	7,1, 1859666	2020
https://doi.org/10.1080/23311975.2020.1859666									
10	Hướng nghiên cứu 1	The determinants of bank profitability: A	2	X	Central Bank Review/1303-0701	ESCI, Scopus (IF=2, Q2)	273	20,2, 65-73	2020

TT	Hướng nghiên cứu	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) (tính đến 30/05/2025)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) (tính đến 30/05/2025 trên Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
		cross-country analysis							
		https://doi.org/10.1016/j.cbrev.2020.04.001							
11	Hướng nghiên cứu 1	Geographic expansion, income diversification, and bank stability: Evidence from Vietnam	1	X	Cogent Business & Management/2331-1975	ESCI, Scopus (IF=3, Q2)	15	8,1, 1885149	2021
		https://doi.org/10.1080/23311975.2021.1885149							
12	Hướng nghiên cứu 1	Loan loss provisions, earnings management, capital management, and signalling: The case of Vietnamese banks	3	X	Afro-Asian Journal of Finance and Accounting/1751-6447	Scopus (Q4)	12	11,5, 755-771	2021
		https://doi.org/10.1504/AJFA.2021.119478							
13	Hướng nghiên cứu 1	The inter-relationships among liquidity creation, bank capital and credit risk: evidence from emerging Asia-Pacific economies	2	X	Managerial Finance/0307-4358	ESCI, Scopus (IF=1.9, Q2)	32	47,8, 1149-1167	2021
		https://doi.org/10.1108/MF-04-2020-0189							
14	Hướng nghiên cứu 2	From efficiency analyses to policy implications: A	5		International Journal of the Economics of	ESCI, Scopus (IF=1.9, Q2)	3	28,3, 457-470	2021

TT	Hướng nghiên cứu	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) (tính đến 30/05/2025)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) (tính đến 30/05/2025 trên Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
		multilevel hierarchical linear model approach			Business/ 1357-1516				
		https://doi.org/10.1080/13571516.2021.1981750							
15	Hướng nghiên cứu 3	Fintech Credit and Bank Efficiency: International Evidence	4	X	International Journal of Financial Studies/2227-7072	ESCI, Scopus (IF=2.1, Q2)	50	9,3, 44	2021
		https://doi.org/10.3390/ijfs9030044							
16	Hướng nghiên cứu 1	A cross-country analysis on diversification, Sukuk investment, and the performance of Islamic banking systems under the COVID-19 pandemic	4	X	Heliyon/ 2405-8440	SCIE, Scopus (IF=3.4, Q1)	41	8,3, e09106	2021
		https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2022.e09106							
17	Hướng nghiên cứu 1	Bank stability, credit information sharing and a shift toward households' lending: International evidence	2	X	International Journal of Managerial Finance/1743-9132	ESCI, Scopus (IF=1.8, Q2)	9	18,5, 979-996	2022
		https://doi.org/10.1108/IJMF-07-2021-0311							
18	Hướng nghiên cứu 1	The environment, social and governance (ESG) activities	4		Journal of Economics and Development/1859-0020	Scopus (Q1)	103	24,4, 345-364	2022

[illegible]

TT	Hướng nghiên cứu	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) (tính đến 30/05/2025)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) (tính đến 30/05/2025 trên Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
23	Hướng nghiên cứu 2	The trade-off frontier for ESG and Sharpe ratio: a bootstrapped double-frontier data envelopment analysis	4		Annals of Operations Research/ 0254-5330	SCIE, Scopus (IF=4.4, Q1)	12	347,717-741	2023
https://doi.org/10.1007/s10479-023-05506-z									
24	Hướng nghiên cứu 2	Managing bank performance under COVID-19: A novel inverse DEA efficiency approach	3		International Transactions in Operational Research/ 0969-6016	SSCI, Scopus (IF=3.1, Q1)	83	30, 2436–2452	2023
https://doi.org/10.1111/itor.13132									
25	Hướng nghiên cứu 3	Digital credit and its determinants: A global perspective	3	X	International Journal of Financial Studies/2227-7072	ESCI, Scopus (IF=2.1, Q2)	1	11,4, 124	2023
https://doi.org/10.3390/ijfs11040124									
26	Hướng nghiên cứu 3	A shift towards household lending during the Fintech era: the role of financial literacy and credit information sharing	1	X	Asia-Pacific Journal of Business Administration/ 1757-4323	ESCI, Scopus (IF=3.3, Q1)	16	15,3, 466-485	2023
https://doi.org/10.1108/APJBA-07-2021-0325									
27	Hướng nghiên cứu 3	The degrees of central bank digital currency adoption across countries: A	4	X	Economics and Business Letters/ 2254-4380	ESCI, Scopus (IF=0.9, Q3)	8	12, 2, 97–104	2023

TT	Hướng nghiên cứu	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) (tính đến 30/05/2025)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) (tính đến 30/05/2025 trên Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
		preliminary analysis							
		https://doi.org/10.17811/eb1.12.2.2023.97-104							
28	Hướng nghiên cứu 4	Climate risk disclosures and global sustainability initiatives: A conceptual analysis and agenda for future research	4		Business Strategy and the Environment/ 0964-4733	SSCI, Scopus (IF=12.5, Q1)	44	32, 6, 3705–3720	2023
		https://doi.org/10.1002/bse.3323							
29	Hướng nghiên cứu 4	From transition risks to the relationship between carbon emissions, economic growth, and renewable energy	3		Risks/2227-9091	ESCI, Scopus (IF=2, Q2)	2	11,12, 210	2023
		https://doi.org/10.3390/risks11120210							
30	Hướng nghiên cứu 1	Balancing bank profits and nonperforming loans: a multiple objective programming approach	4	X	Annals of Operations Research/ 0254-5330	SCIE, Scopus (IF=4.4, Q1)	3	346, 839–860	2024
		https://doi.org/10.1007/s10479-024-05831-x							
31	Hướng nghiên cứu 1	Do diverse board structures affect intellectual capital? Transitional economic evidence	3		Total Quality Management & Business Excellence/ 1478-3363	SSCI, Scopus (IF=3.6, Q1)	1	35, 3-4, 450–464	2024

TT	Hướng nghiên cứu	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) (tính đến 30/05/2025)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) (tính đến 30/05/2025 trên Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
		https://doi.org/10.1080/14783363.2024.2308690							
32	Hướng nghiên cứu 1	Recognizing CEOs and Chairmen's personality and bank performance: new insights from signature analysis	4	X	Journal of Chinese Economic and Business Studies/ 1476-5284	ESCI, Scopus (IF=2.4, Q1)	2	23,1, 27553	2024
		https://doi.org/10.1080/14765284.2024.2334552							
33	Hướng nghiên cứu 1	Fintech and banking: friends or foes? Evidence from bank-fintech cooperation	4	X	International Journal of Bank Marketing/ 0265-2323	SSCI, Scopus (IF=6.3, Q1)	10	42, 7, 1513-1535.	2024
		https://doi.org/10.1108/IJBM-09-2023-0525							
34	Hướng nghiên cứu 1	Bank charter value and market discipline: evidence from emerging markets	2		Review of Accounting and Finance/ 1475-7702	ESCI, Scopus (IF=3.6, Q2)	1	24,1, 17-39	2024
		https://doi.org/10.1108/RAF-08-2023-0288							
35	Hướng nghiên cứu 2	Estimating the international cocaine market: a novel combination of excess compensation and stochastic frontier analysis	4		Asian Journal of Law and Economics/ 2194-6086	ESCI, Scopus (IF=0.5, Q3)	1	15,3, 411-431	2024
		https://doi.org/10.1515/ajle-2023-0129							
36	Hướng nghiên cứu 4	Environment and digitalization: the new paradigms in	3		Economies/ 2227-7099	ESCI, Scopus	5	12,3, 65	2024

TT	Hướng nghiên cứu	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) (tính đến 30/05/2025)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) (tính đến 30/05/2025 trên Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
		the European stock markets				(IF=2.1, Q2)			
https://doi.org/10.3390/economies12030065									
37	Hướng nghiên cứu 4	European non-performing exposures (NPEs) and climate-related risks: Country dimensions	3		Risks/2227-9091	ESCI, Scopus (IF=2, Q2)	1	12,8, 128	2024
https://doi.org/10.3390/risks12080128									
38	Hướng nghiên cứu 1	Does information and communication technology affect bank stability efficiency? Evidence from Vietnam	2		Total Quality Management & Business Excellence/ 1478-3363	SSCI, Scopus (IF=3.6, Q1)		36 (7-8), 695-712	2025
https://doi.org/10.1080/14783363.2025.2472962									
39	Hướng nghiên cứu 1	Efficiency and performance of Islamic banks amid COVID-19	3		Journal of Islamic Accounting and Business Research/1759-0817	ESCI, Scopus (IF=2.5, Q2)	3	16, 5, 873-889	2025
https://doi.org/10.1108/JIABR-05-2022-0129									
TẠP CHÍ TRONG NƯỚC									
40	Hướng nghiên cứu 1	Các nhân tố tác động đến nợ xấu tại các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Bến Tre	3		Kinh tế và Dự báo/2734-9365			12(802), 69-72	2022
		Thực trạng và thách thức của	3	X	Tạp chí Ngân hàng/2815-6064			13, 16-21	2022

TT	Hướng nghiên cứu	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) (tính đến 30/05/2025)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) (tính đến 30/05/2025 trên Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
41	Hướng nghiên cứu 1	chuyển đổi số: Khảo sát người dùng và các ngân hàng thương mại Việt Nam							
		https://tapchinganhang.gov.vn/thuc-trang-va-thach-thuc-cua-chuyen-doi-so-khao-sat-nguoi-dung-va-cac-ngan-hang-thuong-mai-viet-nam-9459.html							
42	Hướng nghiên cứu 1	Tín dụng và chính sách tín dụng bất động sản trong bối cảnh mới	3		Tạp chí Ngân hàng/2815-6064			4, 30-37	2023
43	Hướng nghiên cứu 1	Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến mối quan hệ giữa rủi ro và kỷ luật thị trường ở các ngân hàng ASEAN-5	3		Kinh tế và Dự báo/2734-9365			9(873), 49-51	2024
44	Hướng nghiên cứu 3	Sự phát triển ngân hàng ‘thuần số’: Một số phân tích sơ bộ tại Việt Nam	3	X	Tạp chí Ngân hàng/2815-6064			2, 9-14	2025
45	Hướng nghiên cứu 1	Đánh giá mức độ lành mạnh của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam bằng mô hình CAMELS	2		Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Economics-Law and Management/2588-1051			9(1), 1-15	2025
		https://doi.org/10.32508/stdjelm.v9i1.1426							
HỘI THẢO QUỐC TẾ									
46	Hướng nghiên cứu 3	Neural network models for inflation	3		The Fourth International Econometric Conference of Vietnam -	Scopus (Q4)	4	983, 152–168	2022

TT	Hướng nghiên cứu	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) (tính đến 30/05/2025)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) (tính đến 30/05/2025 trên Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
		forecasting: A revisit			ECONVN2021: : Prediction and causality in econometrics and related topics/ 978-3-030-77094-5				
https://doi.org/10.1007/978-3-030-77094-5_15									

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 18 bài: [3], [4], [6], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [15], [16], [17], [25], [26], [27], [30], [32], [33].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
3							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
3							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

.....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
2					
3					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
3					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ đại học cấp Khoa	Thành viên	Quyết định số 2687/QĐ-ĐHKTL ngày 30/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	Quyết định số 1007/QĐ-ĐHKTL ngày 23/04/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2025 (đợt 2) của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	
2	Chương trình đào tạo trình độ	Thành viên	Quyết định số 2687/QĐ-ĐHKTL ngày 30/10/2024	Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học	Quyết định số 920/QĐ-ĐHKTL ngày 14/04/2025 về	

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
	đại học, thạc sĩ cấp Khoa		của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	
3	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ cấp Khoa	Thành viên	Quyết định số 2687/QĐ-ĐHKTL ngày 30/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	Quyết định số 924/QĐ-ĐHKTL ngày 14/04/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ...

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP.HCM, ngày 20 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Đức Quang Tú